

Bùi viên biệt thự hí thành

*Ngã áp Bùi viên xứ,
Ngã tiên chi sở lư,
Ngã tiên khảo quán môn nãi di cư.
Chỉ kim tứ thập niên,
Ngã tái doanh biệt thự,
Thổ nhất cao cự thị Bùi viên xứ.
Nhân dĩ: Cự trạch kiến đồng lương,
Quy chế nhưng tôn,
Tuy phi cự trạch chi,
Do thị cự Bùi viên.
Viên bạn: hữu tu trúc y y,
Nhất hà lục lục,
Hữu thời lại thanh phong,
Oanh vu nhập ngã ốc.
Viên ngoại: hữu phương trì thắc thắc,
Nhất hà thanh thanh,
Hữu thời thương minh nguyệt,
Vi quang dao ngã doanh.
Tiểu điệu sào nhất chi,
Lưu ba vi cự phố,
Hà tường bách thế thượng
Thần quang tự như cố.*

Mừng làm nhà riêng ở vườn Bùi

*Quê ta ở xứ vườn Bùi
Nhà cha ta trước vẫn nơi đất này,
Cha xưa dạy học về đây,
Tính năm thoát đã kể đầy bốn mươi.
Nhà ta nay dựng cơ ngơi,
Một sào đất cũng lại nơi vườn Bùi.
Nhà xưa kèo cột sẵn rồi,
Quy mô mực thước bao đời vẫn nguyên,
Nền xưa tuy chẳng đúng nền,
Vẫn vườn Bùi đó đất quen những ngày.
Quanh vườn trúc tốt, tre dày,
Màu xanh, xanh đến thế này là xanh!
Thường phen mát rượi gió lành,
Trong nhà ta vẫn quần quanh, rập rờn.
Ao thom ngăn ngắt ngoài vườn,
Nước trong, trong vắt lạ thường là trong!
Lại khi vắng vắng trăng lồng,
Cột nhà theo ánh Nga cùng đảo chao.
Chim con làm tổ cành cao,
Lăn tăn sóng nhỏ dạt vào bên xưa.
Trăm năm dù đến bao giờ,
Nếp phong quang cũ không mờ tác ly.*

NGÔ LINH NGỌC dịch

Bùi Viên cựa trạch ca

*Bùi Viên ngô cựa trạch
Tứ thập niên kim nhật phú quy lai
Tùng tùng, cúc cúc, mai mai
Phiêu nhiên hữu khâu, hác, lâm, tuyên
chi dật thú*

*Bành Trạch tế cầm ngâm cựa cú,
Ôn công tôn tử lạc dư xuân
Đông phong hồi thú lệ triêm cân,
Điều mang tế, thương hải tang điền
kinh kỹ độ*

*Quân mạc thán Lỗ hầu chi bất ngộ
Bằng tăng bạch phát phục hà vi?
Qui khứ lai hề, hồ bất quy^(*).*

Ca tịch

*Thanh ngâm nhất khúc kỷ hồi văn,
Bán nhập giang lưu bán nhập vân.
Khứ Tấn dĩ ung liên Tịnh Tiết⁽¹⁾,
Xuân Hồ thùy phục ức Chiêu Quân⁽²⁾.*

^(*) Dịch thơ xem THƠ CHỮ NÔM: *Trở về vườn cũ*, trang 45.

⁽¹⁾ *Tịnh Tiết*: chỉ Đào Tiềm, đây là tên thụy người ta đã đặt cho ông sau khi ông mất. Câu này ứng với câu sáu đều nói về Đào Tiềm. Ở đây tác giả có ý tự ví mình với Đào Tiềm khi từ quan về ở ẩn.

⁽²⁾ *Chiêu Quân*: tên thực là Vương Tường, một người con gái đẹp được tuyển vào cung vua Hán, sau bị vua Hán dâng cho chúa Hung Nô, Vương Tường đã tự vẫn. Ở đây, có lẽ tác giả muốn tự liên hệ với thân phận Vương Tường.

*Ngọc quan triết liễu nan vi diệu⁽¹⁾,
U kính tài lan tri tự phân⁽²⁾.
Thán tức giai nhân đa bất ngộ,
Cận đăng đối chước cựa ân cần.^(*)*

Cảm sự

*Phong tế trần ô hà xứ lai?
Nhật quang câu ảnh đệ tương thôi.
Yên phi giang thượng châu như điện,
Thạch lạc sơn gian pháo tự lô⁽³⁾.
Thế hữu thi thư vô sở dụng,
Thiên sinh thủy hỏa các vi tài.
Độc cùng ngữ đại doanh hoàn ký,
Thủy tín hàn tuyên hữu kiếp hô⁽⁴⁾.*

Lúc đầu, ông cũng không được trọng thị, mãi đến khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, ông mới được cử làm Tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên. Nhưng nếu ra làm thì còn gì là liêm sỉ, thanh danh, người đời sẽ khinh ghét.

⁽¹⁾ *Ngọc quan triết liễu*: chỉ khúc hát biệt ly. Ngày xưa, khi tiễn biệt nhau, người ta bẻ cành liễu để tặng nhau, để ngụ ý lưu luyến. Do tục này, nên đã có khúc hát biệt ly gọi là *Triết liễu ca từ Ngọc quan*: tức cửa ải Ngọc môn (nay thuộc Tân Cương, Trung Quốc). Sau dùng để chỉ nơi biên thùy.

⁽²⁾ *U kính tài lan*: do câu thành ngữ Hán: “Lan sinh u cốc” (hoa lan sinh trong hang tối), để nói về việc ở ẩn để giữ vững phẩm giá.

^(*) Dịch thơ, xem THƠ CHỮ NÔM: *Nghe hát đêm khuya*, trang 34.

⁽³⁾ *Pháo tự lô*: súng nổ. Có lẽ tác giả muốn nói đến mìn nổ.

⁽⁴⁾ *Kiếp hô*: gio của lửa kiếp. Theo thuyết nhà Phật, loài người sống một nghìn sáu trăm tám mươi vạn năm là một tiểu kiếp; hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp; bốn trung kiếp là một đại kiếp. Cuối mỗi đại kiếp thường có ba tai họa lớn là lửa, nước và gió. Những gio tàn của lửa ấy để lại là kiếp hôi.

Cảm việc

*Gió bụi từ đâu đến mịt mù,
Vó câu, bóng ác chuyển xoay vòng.
Khói tuôn mặt nước tàu lao vút.
Đá lở sườn non pháo nổ tung.
Đời có Thi Thu thành vật bỏ,
Trời sinh lửa, nước để ta dùng.
Độc doanh hoàn ký rồi sau thấy,
Dưới đất vui bao kiếp lửa hồng.*

HOÀNG TẠO dịch

Canh Tý xuân

*Ngô niên lục thập lục chi niên,
Tuế nguyệt xâm tằm tuyết khả liên!
Sơ khoát sĩ nha như nhị giáp,
Bồng tùng mao phát diệc canh phiên.
Tam triêu tịch hậu tử tương khánh,
Vạn lục tùng trung hoa diệc nhiên.
Lão bệnh cận lai ngâm hứng thiếu,
Xuân hàn vô sự bảo lô miên.*

Xuân Canh Tý (1900)

*Tuổi lão năm nay sáu sáu rồi,
Xót bao ngày tháng mỗi mòn trôi.
Hàm răng giậu đỏ xiêu xiêu vẹo,
Mái tóc bông bong rời rời bởi.*

*Giữa biếc muôn cành, hoa muôn rụng.
Qua đêm mờ một, rượu hầu vui!
Gần đây già ốm nguồn thơ cạn,
Xuân lạnh ôm lò khênh giấc chơi!...*

NGÔ LINH NGỌC dịch

Châu Giang Bùi Thượng thư Kinh hỏi, dục phỏng bất quả, thi dĩ ký

I

*Hồi thủ Tây đô lệ tiến y,
Đương thời cánh sắc thượng y hi.
Bách quan túc thoái đồng đà tại,
Cửu miếu công thành thạch mã qui.
Viễn tỵ vân khai kiêu mộc cùng,
Bình sa vũ quá thử miêu phi.
Cận vấn công chí, dục tương vấn:
Lục thất niên lai thị hoặc phi?*

II

*Tân nhật hàm bôi lân quyển liêm,
Hưu vấn công chí hi bôi thiêm.
Châu giang thủy khoát tam lưu hợp,
Quê linh tình khai nhất đỉnh tiêm.
Mãi dịch tử hồi vô nhận túc,
Tâm hồ kỹ đồ thất long nhiêm.
Đệ nhất hâu hạnh hữu công danh tự,
Tâm vương tượng lợi bất được tiêm.*

Quan Thượng thư Châu Giang họ Bùi^(*)
từ Kinh về, muốn đến thăm rồi thôi, làm thơ gửi

I
Ngánh lại Tây đô nước mắt trào¹⁾,
Cảnh tình ngày ấy có quên đâu.
Lạc đà tro đứng trăm quan vắng,²⁾
Ngựa đá quay về chín miếu châu³⁾.
Đồng bãi mưa xong bờ lúa tốt,
Non xa mây cuốn hiện cây cao.
Tin ông về tới, mong thăm hỏi:
Sáu bảy năm rồi, phải trái sao?

II
Suốt buổi buông rèm chén nhấp mau,
Mừng nghe ông tới, rượu thêm hào.

^(*) *Thượng thư họ Bùi*: tức Bùi Ân Niên. Ông đã bỏ quan về ở ẩn cùng với Nguyễn Khuyến. Được mấy năm lại ra làm quan đến chức Thượng thư.

¹⁾ *Tây đô*: chỉ kinh đô Huế. Tác giả còn hàm ý kinh đô đã nằm trong tay giặc Tây rồi.

²⁾ *Lạc đà bằng đồng*: sách *Tân thư* kể rằng Sách Tĩnh biết nước Tấn sắp loạn, chỉ con lạc đà bằng đồng trước thành Lạc Dương, than: "Rồi đây mày sẽ đứng giữa đồng gai vậy". Đây chỉ vận nước suy.

³⁾ *Ngựa đá quay về*: Trần Nhân Tông sau khi đánh tan Nguyên, về yết lãng miếu có viết đôi câu đối: "Xả tặc hai phen bon ngựa đá; Non sông nghìn thuở vững âu vàng". Ngựa đá tượng trưng cho công lao chinh chiến. Ở đây được dùng với ý mỉa mai: triều Nguyên đầu hàng giặc Pháp, ngựa đá không còn việc gì phải trở về.

Sông Châu nước cộng ba dòng hợp¹⁾,
Núi Quế trời quang một ngọn cao.
Chân nhận trạm mai tin vắng bắt²⁾,
Râu rồng hồ Vạc dấu còn dấu³⁾!
Vùng ta may có tên ông đó,
Chìm nổi mong xem quẻ bói sao?

NGUYỄN XUÂN TẢO dịch

Dạ sơn miếu

Tranh chiến hà niên cục dĩ tàn,
Lâu đài không tại bán sơn gian.
Loa thành hưng phế cơ tiền định,
Quy trảo tồn vong sự bất quan.
Mai dịch khách lai phi tước hiệp,
Tùng lâm vũ quá mộ nha hàn.
Bá vương sự nghiệp thiên thu hậu,
Yên thụ thương mang nhất Dạ san.

¹⁾ Sông Châu quang ở Phù Lý là nơi hợp lưu của ba con sông Đáy, sông Nhuê và sông Châu. Tác giả tuy tả cảnh quê hương Bùi Văn Dị nhưng cũng còn có ý ngầm chê trách ông này không được trước sau như một, lại ra làm quan với triều Nguyễn và cộng tác với giặc. Cũng như câu dưới, nói đến núi Quế (tên hiệu tác giả) để nói chí mình.

²⁾ *Chân nhận*: sách *Hán thư*. Tô Vũ đòi Hán đi sứ Hung Nô bị giữ lại. Tô Vũ đi đây, viết thư buộc vào chân nhận gửi về nước. Sứ nhà Hán sang đòi trả Vũ về, nói "Vua Hán đi bắn ở vườn Thượng Lâm, được con nhận chân buộc thư, trong thư nói Vũ bị đày ở chằm nọ". Hung Nô phải trả Vũ về. Cả câu ý nói, giờ dấu còn những tôi trung như Tô Vũ.

³⁾ *Hồ Vạc*: sách *Sử ký*. Hoàng đế đúc vạc dưới núi Kinh, khi đúc xong liền cưỡi rồng lên tiên. Người đời sau gọi nơi này là hồ Vạc.

Cả câu ý nói: mấy vua triều Nguyễn lúc ấy đã chết liền tiếp.

Đền trên núi Dạ^(*)

*Chiến tranh tàn cuộc tự năm nào?
Lầu gác còn trơ lưng núi cao.
Thành ốc thịnh, suy cơ định trước,
Móng Rùa còn mất chuyện không đầu.
Mai đưa khách lạ, đàn công dạn,
Tùng gọi mưa hôm, cái quạt rêu.
Vương bá ngàn thu đầu sự nghiệp?
Khói cây non Dạ một rừng sâu.*

HOÀNG TẠO dịch

Dục Thủy sơn^(**)

*Vạn cổ thanh sơn tại,
Hà niên Dục Thủy danh.
Cô thành thiên nhận lạc,
Nhất tự bán giang bình.
Tuệ Viễn kim hà xứ,
Thăng am thượng hữu minh.
Tà dương hoài cổ ý,
Tam lưỡng mộ cảm thanh.*

^(*) Núi Dạ tức là núi Mộ Dạ thuộc tỉnh Nghệ An.

^(**) Núi Dục Thủy ở gần Ninh Bình, trên bờ sông Đáy.

Núi Dục Thủy

*Non xanh muôn thuở xanh cao,
Mà tên Dục Thủy năm nào đặt ra?
Thành coi ngàn bậc trên xa,
Ngôi chùa ven núi nhô ra nửa dòng.
Tìm đâu Tuệ Viễn sư ông,
Bia am Thăng Phủ rêu phong vẫn còn.
Chim chiều đôi tiếng véo von,
Tình xưa gửi với nước non bóng tà!*

HOÀNG TẠO dịch

Đạo thất đạo

*Đạo hướng nhân gia xuyên thủ tiên,
Đạo nhân hựu hướng đạo gia xuyên.
Doanh thâu thiên chuyển vô thường cục,
Xuất nhập tuần hoàn nhược tức duyên.
Hóa pháp Ngạn Phương hữu tứ bạch,
Hạnh phi Vương Tố mạc đầu duyên.
Lợi đồ đảo để hồn như thị,
Hê độc xuyên tường đạo nãi nhiên!^(*)*

^(*) Dịch thơ xem THƠ CHỦ NÔM: *Kẻ trộm mất trộm*, tr. 23.

Đăng Ngũ Hành sơn lưu đề

*Ngũ Hành tú sắc uất thiếu nghiên,
Hải thượng tam thần định bất đao.
Nhật nguyệt cứu thiên hồi động khẩu,
Ba đảo vạn lý đăng sơn yêu.
Tình không thạch bích sinh hàn vũ,
Dạ bán chung thanh lạc nộn triều.
Lãm thử giang sơn kỳ thắng tuyết,
Sinh giao khối lồi nhất thì tiêu.*

Lên núi Ngũ Hành^(*) lưu đề

*Ngũ Hành rục rờ, ngất tầng cao,
Mặt biển non tiên chẳng khác nào.
Thỏ mọc ác tà vòng trước động,
Côn dăng sóng vỗ rộn lung đèo.
Trời quang, vách đá đầm hơi nước,
Đêm vắng, hồi chuông rót ngọn triều.
Ngắm cảnh non sông kỳ tuyết ấy,
Nợ đời bông chốc chẳng còn đeo.*

NGUYỄN VĂN KHOA dịch

^(*) Núi Ngũ Hành: tỉnh Quảng Nam (nay thuộc TP Đà Nẵng), sản xuất đá cẩm thạch rất quý. Đá đủ năm sắc nên gọi là Ngũ Hành.

Đấu xảo ký văn

*Đấu xảo trường khai bách vật trần,
Y hà xảo dã xảo nhi tân.
Cận lai thủy tạc cân khôn khổng,
Đáo thử phương tri vũ trụ xuân.
Viễn quốc phục trang chân quý dị,
Thâm lâm diệu thú tuyết kỳ trân.
Tầm thường tệ áp vô tha xảo,
Liêu tác quan thường mộc ngẫu nhân.*

Ghi những điều nghe thấy trong cuộc đấu xảo

*Thi khéo bày ra kể có văn,
Khéo mà lại mới, khéo vô ngần!
Kiến khôn ai đã khoan thành lỗ?
Vũ trụ qua đây mới thấy xuân.
Y phục nước ngoài coi rất lạ,
Chim muông rừng thẳm quý nào hơn.
Xứ tôi xoàng xĩnh không gì khéo,
Tượng gỗ cân đai gọi góp phần!*

NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Độc dịch

*Đông nhật tranh như hạ nhật trường,
Nam phong hoàn hữu bắc phong lương.
Tự vi khả khấu, si sân phượng⁽¹⁾,
Bất tận cơ tâm, tước bộ đường⁽²⁾.
Hải vũ nhược khai tân thế giới,
Dân phong ưng nhập cổ hồng hoang⁽³⁾.
Thanh thần độc khởi quan Chu Dịch⁽⁴⁾,
Tiêu tức doanh hư⁽³⁾ vị dị tường.*

Độc Kinh Dịch

*Ngày đông ngắn, ngày hè dằng dặc,
Gió nam qua, gió bắc tiếp theo.
Được môi, thấy phượng cú kêu,
Sẻ rình bộ ngựa cơ mưu khôn lường.*

¹ Sách "Trang Tử": Một hôm, cú kiếm được con chuột thối, gắp khui lên, uyên sô bay qua, tưởng uyên sô đến tranh của mình, ngửa lên mà gặm ghè với uyên sô. Câu này chê những kẻ chi bo bo giữ lấy cá mồi phú quý thối nát, tưởng những người cao thượng cũng hàng như mình.

² Sách "Ngô Việt xuân thu" có chép: con ve đậu dưới bóng mát, thích ý đàn kêu. Một con bộ ngựa nắp sau rình bắt ve, lại có con chim sẻ rình bắt bộ ngựa. Một người nắp sau định bán chim sẻ, người này vì chú ý đến chim quá, thành ra sa chân xuống hố. Câu này ý nói: để ý vào lợi trước mắt mà quên những mối nguy sau lưng.

³ Đời thượng cổ khi mới có loài người.

⁴ Tức Kinh Dịch.

⁵ Đây, voi, suy, thịnh. Theo triết lý của Kinh Dịch thì lẽ trời đất có khi lớn lên, khi tiêu đi, khi thịnh, khi suy..

*Thế giới tựa bước sang hội mới,
Dân phong như trở lại hồng hoang.
Sáng đem kinh Dịch xem tường,
Đầy voi cơ tạo, dễ lường được đâu.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Độc thán

*Thập niên hồi thủ độc sấu dư,
Thế sự nhân tình tiếm bất như.
Đồng loại tương tranh trúc phước trúc,
Lợi tâm vô yếm ngư thôn ngư.
Khả liên kim nhật thủy vi ngạnh,
Sở dĩ tiền nhân dục phế thư.
Ký ngữ thành môn tương thức giá,
Phong trần mãn lộ vị quy dư.*

Than một mình

*Ngoảnh lại mười năm đã chán ghê!
Thời đời ngày một khác dần đi.
Lòng tham không chán, cá ăn cá,
Cùng giống tranh nhau, tre trói tre.
Chẳng biết vì ai nên nổi ấy?
Trách nào bỏ sách, chuyện xưa kia.
Nhấn người quen thuộc nơi thành thị:
Gió bụi mà sao vẫn chưa về?*

ĐỖ NGỌC THOẠI dịch

Đông chí

Vân tẩu, phong phi, sương mãn thiên,
Quang âm từng thử nhập tân niên.
Xuân hồi cự kính, điều tri vị?
Thụ phá tân nha, hoa đục nhiên!
Áp muộn, nhật tương thuần từ chúc,
Úy hàn, dạ bão hỏa lô miên.
Cận lai lân hướng tây viên thương,
Cưỡng khởi phù cùng khán thủy tiên.

Tiết Đông chí^(*)

Mây chạy sương buông lại gió bay,
Phong quang năm mới kể từ nay¹⁾.
Xuân về lối cũ, chim hay chưa?
Cây nẩy mầm non, hoa sẽ đầy.
Ngại rét, đêm ôm lòng áp ngủ,
Nén buồn, ngày muộn chén nồng khuấy.
Vườn tây đi lại lâu nay biếng,
Vi thủy tiên mà gương tới đây.

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

^(*) Đông chí một trong hai mươi bốn tiết của âm lịch, ở giữa mùa đông thường vào ngày 22 - 23 tháng 12 dương lịch.

¹⁾ Nhà làm lịch cho rằng ngày đông chí, dương khi bắt đầu phát sinh, nên về khí hậu coi như bắt đầu năm sau

Hạ nhật

Khinh phong nộn thử hạ chi sơ,
Đại tuý cuồng ngâm độc hữu dư.
Thị phụ thừa bàn cung thực lệ,
Diễn ông phát cấu mại tiên ngư.
Túc tinh sạ khởi nhất văn tri,
Cự cú vị vong tảo kiểm thư.
Bồng tất thử gian dung lão bệnh,
Thê thê trần lộ cánh hà như?

Ngày hè

Nắng hoe gió nhẹ buổi hè vào,
Mình lão thơ ngông chén lại hào,
Vải chín, bà hàng bung quả biếu,
Cá tươi, lão giặm nhắc nom chào.
Nghe chim giữa lúc vừa say dậy,
Giở sách ôn câu chưa nhãng nào.
Tranh, nửa đủ vui khi tuổi tác,
Đường đời tất tả nữa ra sao?

ĐẶNG ĐỨC TÔ dịch

Hạ nhật thư hương sinh Nguyễn thị trang

*Ngũ thập kỳ nhô anh vị hài,
Ngũ gian mao ốc hỉ sơ tài,
Đường tôn luyến tổ đương môn lập,
Lân tấu văn tân việt diu lai.
Khước thủ ly tiền tu trúc hợp,
Ngâm phong tri bạn tiểu lãng khai.
Dữ quân tương cận hoàn tương ái,
Thần tịch phù cùng thả mạc xai!*

Ngày hè để nhà hương sinh họ Nguyễn

*Năm mươi vẫn ẩm con thơ,
Năm gian nhà cỏ mừng vừa dựng xong!
Cháu trai đứng sán lấy ông,
Xóm giềng thấy khách cửa thông sang chào.
Hàng tre rợp nắng bên rào,
Rì rào cụm ấu mặt ao gió lùa.
Gần nhau càng mến càng ưa,
Ngại chi chóng gậy sớm trưa chuyện trò!*

NGUYỄN XUÂN TẢO dịch

Hà Nội Văn Miếu hữu cảm

*Thập tái không tê cựu Giám môn,
Du du tâm sự hướng thủy luân.
Khuê lâu⁽¹⁾ vị đoạn tiêu chung hưởng,
Bích Thủy⁽²⁾ do chiêu nguyệt dạ hồn.
Thức mục triêm cân ngô đạo ách,
Phất bi khán tự cổ nhân tôn.
Vãng lai thời hữu thôn khư tấu,
Hạng ngoại phú cùng mạc bất ngôn.*

Cảm xúc khi đến Văn Miếu Hà Nội

*Cửa Giám, mười năm lại đến đây,
Nôi lòng dằng dặc ngộ cùng ai.
Khuê Văn lắng tiếng chuông đêm vắng,
Bích Thủy gọi hồn bóng nguyệt lay.
Lau mắt ướt khăn đạo thánh tấc,
Phủ bia xem chữ người xưa đây.
Cuối thôn ông lão thường qua lại,
Chẳng nói năng chi, chóng gậy hoài.*

TRẦN VĂN NHĨ dịch

⁽¹⁾ Khuê lâu: tức là Khuê Văn các, trước sân Văn Miếu.

⁽²⁾ Bích thủy: tức là ngôi Bích Câu ở trước cửa chùa Bích Câu, gần Văn Miếu, nay bị lấp gần hết

Hàn vũ

Sóc phong liệt liệt vũ tiêu tiêu,
Đẳng kỷ chi trì bệnh cốt kiêu.
Dạ bán khái thanh như độc hạc,
Khâm trung xúc tất hữu hàn miêu.
Nhân quan Tấn Tống thiên niên sự,
Mộng quá Kinh Ngô vạn lý kiêu.
Dao chỉ vân gian hồng nhật xuất,
Trọng âm nhai cốc tấn băng tiêu.

Mưa lạnh

Trời hắt hiu mưa phùn gió bắc,
Tựa ghé ngôi, bệnh tật ngày tăng.
Tiếng ho như hạc kêu sương
Rét tim hơi ấm, mèo vàng rúc chăn.
Chuyện Tấn, Tống nghìn năm đổ đất¹⁾
Cầu Kinh Ngô muôn dặm mơ màng²⁾.
Kìa mây xa ló vầng dương,
Tối tắm băng giá trong hang tan dần.

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

¹⁾ *Đời Tấn, Tống*: chỉ hai triều đại Tấn (265-420), Tống (960-1276) ở Trung Quốc nhiều loạn lạc và bị ngoại xâm chiếm đất, phải dời đô xuống phía Nam. Sứ chia ra làm nhà Tây Tấn và Đông Tấn, Bắc Tống và Nam Tống.

²⁾ *Cầu vạn dặm*: cầu này ở huyện Tư Xuyên (Trung Quốc). Thời Đường, nhà thơ Đỗ Phủ có dựng ngôi nhà tranh ở phía Tây cầu. Câu này ý nói nhìn về xa xôi, chạnh nhớ tới nhà thơ Đỗ Phủ mà ngẫm đến phận mình chứ không phải mơ cụ thể đến cầu này.

Hoàn gia tác

Phong trần thập tải nhất hoàn gia,
Mấn dĩ thành sương nhõn hựu hoa.
Cựu kính từng trung đa thác ngạc,
Phi hồng vân ngoại độc tư ta.
Hậu môn đồng hỷ ông qui hỷ,
Trượng tiết nhân truyền tử thị da?
Tỷ ý hàn song vô nhất thoại,
Canh thâm lộ trọng nguyệt sơ tà.

Về nhà

Mười năm gió bụi trở lại nhà,
Tóc đã sương pha, mắt lại nhòa.
Ngọn trúc ngõ ngang nơi ngõ cũ,
Cánh hồng tức tuổi đám mây xa.
Cổng reo trẻ đón: ông về đó!
Gậy chống già chào: bác đấy a?
Biết nói gì đây, vin cửa lạnh,
Canh khuya, sương đẫm, bóng trăng tà.

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Hoàn Kiếm hồ

*Bát đáo Kiếm hồ tam thập niên,
Đương thì cảnh sắc dĩ mang nhiên.
Hành mao hà xứ khởi lâu các,
Già pháo đần thanh vô quán huyền.
Huyền điều quy lai mê cự kính,
Bạch âu mộ hạ túc hàn yên.
Khả liên ngũ bách văn chương địa,
Thượng hữu cô sơn thạch nhất quyền.*

Hồ Hoàn Kiếm

*Ba chục năm trời cảnh vắng ta,
Hồ Guom dấu cũ đã phai nhoà.
Tranh tre khắp chốn thành lầu gác,
Kèn sủng thâu đem, bật trúc tơ.
Chiếc én tìm về quên lối cũ,
Đàn cò tới đậu lẫn sương mờ.*

*Năm trăm năm cũ nơi văn vật,
Còn sót hòn non một nắm tro!*

LÊ TU THỰC - NGUYỄN VĂN TỬ dịch

Hung niên

I

*Vũ đả hàn song nhất bán khai,
Thôi khâm khởi tọa trướng nhiên hoài.
Đàn văn lân phụ kỳ tân mạch,
Bất kiến thôn ông tổng cự bồi.
Cố quốc sơn hà chân thâm đạm,
Tha hương hồng nhật tối bi ai!⁽¹⁾
Niên cơ, khước quái thi thi giả,⁽²⁾
Hà xứ phần gian yếm túc lai?*

III

*Tứ nguyệt hôn nghi thập nguyệt sương,
Thử ly hà xứ khách tân thương.⁽³⁾
Gia bản, thân bệnh, niên tương lão,
Thế loạn, nhân cùng, tuế hựu hoang.*

⁽¹⁾ Hồng, nhật: Kinh Thi dùng 2 chữ này để nói việc ly tán trong buổi loạn lạc.

⁽²⁾ Thi thi giả: lấy chữ và điển trong sách *Manh Tử*. Ở nước Tề có một anh chàng hai vợ, thường đến những đám cúng tế ở nơi phần mộ, xin những thức ăn thừa, no say rồi mới về. Hai vợ buồn bực khóc thầm với nhau, anh chàng không biết, khi về vẫn hờ hờ như những lần trước. Đây chỉ loại người vô liêm sỉ.

⁽³⁾ Thơ "Thử ly": tên một bài thơ trong *Vương phong*. *Kinh Thi*. Nhà Chu suy yếu phải dời kinh đô sang phía Đông. Một quan đại phu đi qua cố cung, thấy lúa má mọc đầy trên nền cung thất cũ, nghĩ thương cảm cho nhà Chu, bâng hoàng không nở đi mà làm thơ này. Ở đây, tác giả cũng có một tâm trạng như vậy đối với triều Nguyễn đương thời.

*Chu phát⁽¹⁾ chí kim vô mộng tưởng,
Bạch đầu y cựu bán tao khang.
Hữu thời kịch túy lân gia tửu,
Tiên nghĩ cao ca tác phóng cuồng.*

IV

*Ngã sinh chi hậu thán phùng ly,
Thế loạn nhân cùng tuế hựu ky.
Tức tức dạ trùng như tự tố,
Ngao ngao sương nhận đục hà chi.
Hạnh nhân nho đẳng vi tiên cái,
Cửu quán lê căn vị trứ bì.
Uu muộn sáng nhiên tương trước bút,
Cổ nhân khát thực dĩ thành thi.*

V

*Hạn thậm đông tiền cốc bất thu,
Thê phong kim hạ lãnh như thu.
Phiền gian thặng chúc tầng xan vị,
Ứng để lưu phối khảng túy vô.
Quốc vận nhược vi gia vận ách,
Đại nhân ung tác thi nhân hô.
Mạc thán tẩm thường cơ ngã thậm,
Thì cùng phương thị kiến chân ngô.*

⁽¹⁾ Chu phát (giải ò): đây dùng để tượng trưng cho tước lộc quyền quý.

Năm mất mùa

I

*Nửa song lạnh lẽo mưa rơi,
Tung chăn trở dậy buồn ngồi ngẩn ngơ.
Xóm giếng cầu khẩn được mùa,
Mà ông bán rượu bây giờ mất tăm.
Núi sông nước cũ âm thầm,
Lạc loài cánh nhạn khôn cầm nổi đau!
Riêng ai hớn hở, lạ sao?
No nê còn mả xứ nào đến đây?*

BÙI VĂN CƯỜNG dịch

III

*Đầu hạ như trời đông dẫm sương
Chạnh lòng cung cũ cảnh tang thương!
Tuổi già, nhà bán, thân đau ốm
Mùa mất, dân nghèo, đời nhiều nhương.
Tám mản lại cùng vui mái bạc,
Mộng mơ đâu nữa tới đai vàng.
Có khi say khướt bên hàng xóm,
Ngâm vàng toan làm kẻ phóng cuồng.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

IV

*Ra đời gặp buổi truân chuyên,
Loạn ly, cùng quần lại thêm mất mùa.
Để như mách khổ canh khuya,
Nhạn đêm xào xạc muốn lòi nơi đây.*

*Mây còn trên hạng ăn mây¹⁾,
Góc rau nhai mãi, da này chữa nhăn.
Ngồi lo, cầm bút tấn ngân,
Nhớ câu “khất thực”²⁾ cổ nhân đã làm.*

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

V

*Mùa qua đại hạn còn đâu?
Chiêm này gió lạnh khác nào thu xưa!
Cháo thừa trốc má ăn chưa?
Rượu thừa đậy hũ say sưa được nào?
Vận nhà vận nước ngang nhau,
“Ông lon”, “ông lớn” chung vào một tên.
Đói no chớ vội than phiền,
Gieo neo mới thấy vận tuyền cái “ta”!*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

¹⁾ Nhà Nguyễn ghét đạo nho, chia người Hán làm 10 hạng. Nhà nho bị liệt vào hạng thứ 9, chỉ trên hạng thứ 10 là ăn mây.

²⁾ Đào Tiềm có lần phải làm thơ đưa cho bạn để xin ăn.

Hữu cảm

*Hoàng ân di trọng cảm di tăng,
Hứa cứu nam¹⁾ quan tuyệt bất năng,
Thương hữu nhân tâm tề nhất điểm²⁾,
Khả vô thế cục lệ tam thăng.
Thủy niên ý khí quy song mấn,
Mạt học văn chương nhập hạ tăng.
Lữ mộng hoàng hoa bạch tửu bạn,
Vị ung kinh quỵện chẩm thanh đăng.*

Cảm xúc

*Đội mấy ơn vua, nặng bấy tình,
Phận tù âm ảnh dứt khôn đành.
Khôn ngăn cuộc thế ba thung lệ,
Khi vẫn lòng mình một điểm linh,
Rò rúng văn chương, con mạt học,
Ngậm ngùi mái bạc, chí bình sinh.
Giác mơ lữ thứ hoa cùng rượu
Một gói bên đèn, chớ vội kinh.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

¹⁾ *Hứa cứu nam*: Tả truyện. Chung Nghi nước Sở bị cầm tù ở nước Tấn. Một hôm Tấn hầu trông thấy hỏi: “Người đội mũ phương Nam bị trời kia là ai?”. Mọi người đáp: “Đó là tù nước Sở”.

Cả câu, có lẽ có ý lo xa tới thân phận phải làm tù nhân cho giặc.

²⁾ *Tề nhất điểm*: tương truyền sùng tề đốt lên có thể soi thông suốt mọi chỗ. nếu đem soi xuống nước lập tức các loại thủy quái sẽ hiện nguyên hình. Thơ Lý Thương Ẩn có câu: “Tâm hữu linh tề nhất điểm thông”.

Khách xá nguyên đán

*Tuế mộ tha đà Nhị thủy đông,
Xuân lai bất giác toạ xuân phong.
Bình chương lục dã thiên thôn ngoại,
Quản lĩnh thanh dương lương tụ trung.
Lại thoái thủy liêm công thụ tĩnh,
Hoa khai bằng kỳ khách tâm không.
Túng quan cánh hữu thân giao giá,
Liêu khuếch vân gian vị định hồng.*

Tết nơi quán trọ

*Cuối năm nấn ná bên sông Hồng,
Xuân đến nào hay giữa gió đông.
Ngắm cánh đồng xanh thôn xóm trái,
Thu hơi dương ấm ống tay lồng.
Buông mảnh phòng vắng, không còn lại,
Tựa ghé hoa cười chẳng bận lòng.
Có bạn thân giao kia đã đến,
Tặng mây lơ lửng cánh chim hồng.*

TRẦN VĂN NHĨ dịch

Ký Châu giang Bùi Ân Niên

*Mãn mục đa tân thức,
Thương tâm cố cựu hy.
Nhân cùng thiên vị định,
Đạo táng ngã an quy.
Tứ hải khai phong hội,
Thiên sơn lão quyết vi.
Châu giang tương ức xứ,
Hoa lạc điệu ngư ky.*

Gửi ông Bùi Ân Niên ở Châu Cầu^(*)

*Khắp nơi nô nức “canh tân”,
Nghĩ người cố cựu vắng dần mà đau.
Người cùng, còn số trời sao?
Đạo xưa đã mất, biết đâu lối về?
Trào lưu mới rộn bốn bề,
Nghìn non rau quyết, rau vi để già.
Sông Châu ta lại nhớ ta,
Chỗ ngồi câu đó đã hoa rụng đầy.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

^(*) Bùi Ân Niên: tức Bùi Di, người làng Châu Cầu, bạn thân Nguyễn Khuyến.

Ký Hà Nội Khiếu tiên sinh^(*)

Thủy khởi song tiền thử khí huân,
Thanh phong hà xứ hốt tương phùng,
Hiểu đôn trúc ảnh tài tam xích,
Mộ liễu giang biên vị thập phần.
Nhất dạ đàm tâm duy hữu tửu,
Bán không cử mục tức phù vân.
Khả liên ngô bối sơ cuồng thậm,
Hoặc đắc tân văn bổ cựu văn.

Gửi Khiếu tiên sinh ở Hà Nội

Ngủ dậy bên song nóng nấu nung,
Bác thăm như gió mát theo cùng,
Vàng hồng lấp ló trên hàng trúc,
Liễu biếc lơ thơ dưới mé sông.
Giải dạ đêm dài còn chén rượu,
Ngẩng đầu mây nổi giữa tầng không.
Bọn ta, thương nỗi si cuồng quá,
Hay có chuyện gì khác cũ không?

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

^(*) Khiếu tiên sinh: tức Khiếu Năng Tĩnh, người xã Trúc Mỹ, huyện Đại An (nay thuộc xã Yên Cường, huyện Ý Yên) đỗ Tiến sĩ, đã làm Đốc học Nam Định, Hà Nội sau thăng Tế tửu Quốc Tử Giám. Bài này viết khi ông Khiếu làm Đốc học Hà Nội.

Ký song khế Lương Xá Lê ông^(*)

Lão lai đồng tác loạn ly nhân,
Huống trị hung niên cơ cận trấn.
Tường bích vị tu, quân hoạn đạo,
Ung tôn bất cấp, ngã ưu bản.
Lao lao trần thế thủy phi dịch,
Lục lục phù sinh hoạn thử thân.
Sở dĩ độc liên Bành Trạch tế⁽¹⁾,
Bắc song túy ngọa, mộng hồn xuân.

Gửi bạn đồng học họ Lê ở Lương Xá

Tuổi già đời loạn cảnh gieo neo,
Mùa mát, dòn thêm nạn đói theo.
Tường vách chua xong, ông sợ trộm,
Cháo rau không đủ, lão lo nghèo.
Côi trần chật vật ai không thể,
Thân thế loàng xoàng nghị chán phèo.
Riêng cụ Đào xưa sung sướng nhỉ,
Trước song say tí lại nằm khoèo.

ĐỖ NGỌC TOAI dịch

^(*) Lương Xá: lúc ấy thuộc huyện Mỹ Lộc, nay thuộc huyện Bình Lục.
⁽¹⁾ Quan tế Bành Trạch: chỉ Đào Tiềm.

Ký trình Sứ quán Bích Khê Hoàng Sư Cát^(*)

*Thịnh thời lê các sĩ triều quan⁽¹⁾,
Lục thất niên gian dĩ quải quan.
Bản bệnh khả liên lão tương chí,
Loạn ly bất phục hữu thư khan.
Thi quy Dung Bội tư phong giáng⁽²⁾,
Sử đáo Đường Chu bút thậm nan⁽³⁾.
Văn đạo danh công phương bổ tập⁽⁴⁾,
Lan đài⁽⁵⁾ ung hứa hậu nhân khan.*

Gửi ông Bích Khê Hoàng Sư Cát ở Sứ quán

*Hổ mình thời thịnh một quan triều,
Sáu bảy năm rồi áo mũ treo.
Loạn lạc, hiểm hoi pho sách đọc,
Ốm nghèo, khốn khổ cái già đeo.*

^{*} Hoàng Sư Cát: hiệu là Bích Khê, người xã Bích La, Quảng Trị. Khi Nguyễn Khuyến làm án sát Thanh Hoa thì ông này làm Bố chính ở đó.

¹ Lê các (gác lê): Thời Hán, Lưu Hương viết sách ở gác Thiên Lộc, có ông già chông gậy lê, trên đầu gậy lê thổi ra lua, nói chuyện với Lưu Hương. Đời sau gọi nơi chép sách là "gác lê".

² Cả câu: theo quan niệm trước, ở Kinh Thi, các thiên Chu Nam, Thiệu Nam là "chinh phong", từ thiên Bội, Dung. Vệ trở xuống là "biến phong" vì thời loạn.

³ Đường Chu: Tức thời Vô Tắc Thiên nhà Đường, truất ngôi con tư lập làm vua, đổi tên nước là Chu. Chỗ này các sử gia thời trước cho là khó viết. Ở hai câu trên, tác giả có dụng ý ám chỉ đương thời.

⁴ Đây muốn nói đến tập Đại Nam danh thần liệt truyện.

⁵ Lan đài: chỗ viết sử đời Hán, có lúc đặt chức Lan đài lệnh sử để chép sử.

*Đường Chu, bút sử xem chừng khó,
Dung, Bội thời thơ biến loạn nhiều.
Tập truyện danh thần nghe mới soạn,
Mong truyền hậu thế để người theo.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Lão thái

*Ngô niên ngũ thập ngũ niên linh,
Xú thái bàn bàn lão tận hình.
Xỉ bạc hàm toan như chúng tưng,
Nhân hoa yếm quyển mạn truyền kinh.
Tự liên kính phát tam phần bạch,
Thặng hữu đan tâm nhất điểm linh.*

*Mạc quái bằng song liên nhật tụy,
Ngã vi bất tụy thực vi tỉnh?*

Về già

*Năm mươi năm tuổi cái thân già,
Vẻ xấu dần dần lộ hết ra.
Răng vẹo buốt hàm như cái cọ,
Mắt lòa gấp sách giáng ê a.
Ba phần tóc bạc càng thêm tui,
Một tấm lòng son vẫn có thừa.
Đừng trách bên song say khướt mãi,
Không say, thì tỉnh với ai mà?*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

Lô hoa

*Nhất khai thu dạ lệnh truyền lai,
Vô hạn sương kỳ xứ xứ khai.
Chỉ cố hiệu tùy phong phát phát,
Phi dương sắc loạn tuyết ngai ngai.
Uy dư Xích Bích thiên niên trận,
Thế tráng Cô Tô vạn cổ đài.
Chu dã tự tông thu yển hậu,
Thiên hồng vạn tử hoán xuân hồi.*

Hoa lau

*Đêm vừa truyền lệnh thu sang,
Đó đây phơi phơi cờ sương nở đầy.
Dùng đưa theo ngọn gió lay,
Phát phơ như tuyết trắng đầy khắp nơi
Uy phong Xích Bích¹⁾ rạng ngời,
Cô Tô²⁾ thế mạnh muôn đời còn vang.
Đẹp loàn, thu giáo vừa xong³⁾,
Muôn hồng nghìn tía lại mong xuân về.*

MAI ANH TUẤN dịch

¹⁾ Xích Bích: tên một ngọn núi ở huyện Gia Ngự, tỉnh Hồ Bắc (Trung Quốc), phía Nam sông Trường Giang. Đây là nơi Chu Du và Gia Cát Lượng đã dùng kế hỏa công phá tan lực lượng thủy quân của Tào Tháo, thời Tam quốc.

²⁾ Cô Tô: đài này ở trên núi Cô Tô thuộc tỉnh Giang Tô (Trung Quốc) do vua Ngô là Hạp Lư thời Xuân thu, xây dựng.

³⁾ Vũ Vương nhà Chu đánh Trụ ở Muc Dã thắng trận rồi liền cất giáo giáo mác, tỏ ra không dùng nữa.

Mộ xuân tiểu thán

*Thập tải bôn ba thử nhất đồ,
Quy lai ngô hạnh đắc vi ngô
Tiểu viên hãn quá hồng y điệp,
Nhiều thụ đa đề bạch hạng ô.
Thiên nhật duy manh nan tái kiến,
Khâu khô hữu bệnh tức vi ngu.
Túng nhiên bất tác thiên trường ẩm,
Dĩ thị giang nam cái thượng nho.*

Lời than lúc cuối xuân

*Bôn ba vừa chục năm tròn,
Trở về, may mắn ta còn là ta.
Vườn con, bướm ít bay qua,
Quanh cây, tiếng quạ kêu la thì nhiều.
Mắt lòa nào thấy trời đâu,
Người hèn gò suối cũng đều hóa ngu.
Dù không uông cạn nghìn hồ,
Giang Nam cũng hạng anh đồ hơn ai?*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Lũ thấn khóc nội

*Tương kỳ giai lão, lão vô duyên,
Nhất biệt du niên, tiên bách niên.
Chiêu nhĩ hôn hễ, lai thử tá?
Viết dư đồng hỷ, vị thù liên?
Bội, Dung nhi hạ phong tư biến,
Tần, Hán chi gian lễ tắc nhiên.
Văn phó bất thăng suy bệnh cử,
Lữ phần thanh thảo dĩ thiên nhiên.*

Khóc vợ chôn nơi đất khách

*Đầu bạc cùng nhau, hẹn đã lắm,
Hơn năm xa cách hóa trăm năm.
Hôn ơi! Gọi có về chăng tá?
Minh nhi! Thương ai phải xót thắm!
Thơ dưới Bội, Dung, tình đã đổi¹,
Đòi dù Tần, Hán lễ còn chăm².
Tin buồn dần vật thân già ốm,
Nấm mộ quê người bóng cỏ râm.³*

HOÀNG TẠO dịch

¹ Bội và Dung là hai nước chư hầu đời nhà Chu. *Kinh Thi* chép: đọc đến *Bội phong*, *Dung phong* thì thấy *Quốc phong* đã một lần thay đổi.

² Nhà Tần đốt sách, chôn học trò, phản đối lễ giáo nhà nho. Đến đời nhà Hán không như thế, nhưng lễ giáo nhà nho vẫn chưa hồi phục như đời trước nhà Tần. Cho nên khoảng giữa Tần và Hán, lễ giáo chưa rõ ràng. Ở hai câu này, tác giả ngụ ý tới đương thời phong hóa suy vi, lễ giáo thay đổi.

³ Nguyễn Khuyến có bốn vợ: Bà cả được ba con là Nguyễn Hoan, Nguyễn Thuán và Nguyễn Thị Duy. Bà thứ được ba con là Nguyễn Diêm, Nguyễn Đôn và Nguyễn Thị Búp. Bà ba sinh một con là Nguyễn Khắc. Bà thứ tư họ Phạm mất sớm, không con. Ở đây có lẽ tác giả khóc bà hai.

Ngẫu tác

*Chỉ tức nhân đa bất tự tri,
Trầm ngâm như túy phục như si.
Cổ kim duy hữu nhất Bành Tổ,
Nhân thế nguyên vô song Bá Di.
Tự kiến nhi lang năng tác quận,
Toại linh thử lão bất đề thi.
Hành mao túy ngọa hưu tương vấn,
Ngũ lục niên tiền sự dĩ phi.*

Ngẫu tác

*Mấy ai biết đủ để mà thôi,
Như dại như say chẳng trót đời.
Bành Tổ vốn xưa chỉ một cự¹,
Bá Di khi trước chẳng hai người².
Nghe tin chức huyện con làm được³,
Nên thú làm thơ lão cũng ngời.
Lêu cở say lý đừng có hỏi,
Dăm năm nay khác trước xa rồi.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

¹ *Bành Tổ*: tên là Tiền Khanh, người thời Đường Nghiêu, tương truyền sống đến tám trăm tuổi, được coi như điển hình cho tuổi thọ.

² *Bá Di*: là con một vua chư hầu đời Ân. Chu Vũ vương đánh Ân, Bá Di cho là bất nghĩa bèn cùng với em là Thúc Tề vào ở ẩn núi Thủ Dương, hái rau vì mà ăn, không thêm ăn thóc nhà Chu, sau chết đói ở đó. Theo quan niệm của Nho giáo, Bá Di được coi là điển hình của trung nghĩa, thanh cao.

³ Con tác giả là Nguyễn Hoan thi đỗ Phó bảng, đầu tiên được bổ tri huyện.

Ngẫu thành

I

Tà ý nam song nguyệt ảnh biên,
Ngõa tôn độc chúc khởi đồ nhiên.
Lão tràng toan sáp thi vô lực,
Cơ tuế đề ngang cốc hữu quyền.
Dĩ phận thử than nan kiến thánh,
Bất tri hà nhật hựu tiêu thiên.
Trang đồ khởi thị hoang đường ngữ,
Thả khán Tiêu dao đệ nhất thiên.

II

Tố nguyệt vô đoan hám lục tri,
Huân phong hà sự nhập la vi.
Nhân tình phan phúc đậu nhiên đậu,
Thế sự tuần hoàn kỳ đả kỳ.
Bả trản tri ngao tiện định hỹ,
Ma không lệ Hán tương hà chi?
Nãi ông lân tán chân vô sự,
Ung hướng giang đình thưởng điếu ky (cơ).

Ngẫu thành

I

Nghiêng tựa song nam ánh nguyệt bên,
Không dung tự chúc chén sành liền.
Bụng già chua chát thơ không sức,
Năm đời hư hao thóc có quyền.
Hiền thánh, phận mình không hạnh kiên,
Mây mù, bao thuở mới tiêu tan¹.
Sách "Trang" đâu phải hoang đường cả,
Hãy đọc "Tiêu dao" đệ nhất thiên².

II

Vô có trăng vàng ngó giềng thơ,
Từ đâu gió mát lọt màn thưa.
Tình người giáo gió, đậu đun đậu,
Sự thế vẫn xoay, cò đánh cò.
Nâng chén say sưa đã rắp sẵn,
Vả trời xoay xử được gì chưa?
Lão này vô sự sinh lười nhác,
Hòn đá cưa kia đáng vẫn chờ.

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

¹ Mây mù tan, trời trong sáng: nguyên văn "tiêu thiên", lấy chữ từ câu "tiêu vân vụ nhi đồ thanh thiên" nghĩa là xua tan mây mù mà nhìn thấy trời xanh. Ý nói mong được thanh bình.

² Tiêu dao: tức "Tiêu dao du", thiên thứ nhất trong sách *Trang Tử*.

Nhâm Dần hạ nhật

*Kim hạ khổ thái nhiệt,
Thảo khô trạch diệp kiệt.
Ích chi dĩ tây phong,
Hà vật bất mỹ diệt.
Thần dư bệnh thả bản,
Hành niên cận khâu huyết.
Tĩnh phi vô thanh tuyên,
Ám chi đồ hãn huyết.
Phạn phi vô canh hoá,
Thực chi bất khả yết.
Khoả trình như bất cung,
Cô lập nhược khổ tiết.
Ta thử bách lý phùng,
Hỗ vi hựu thiết thiết.*

Mùa hè năm Nhâm Dần (1902)

*Hè này nóng khổ quá!
Cỏ khô, đám cạn cả.
Lại thêm ngọn gió tây,
Vật gì chẳng tàn tạ?
Hướng ta ốm lại ghèo,
Tuổi gần kề bên mã,
Giếng không phải không trong.
Uống vào mồ hôi vã.
Com không phải không canh,
Ăn vào nuốt chẳng đã.*

*Đứng lẽ cũng chơ vơ,
Cởi trần e suồng sã.
Than ôi! Khổ trăm chiều!
Sao lại còn nghiệt ngã?*

LÊ TU THỰC dịch

Nhàn vịnh

II

*Mac ngôn xảo chuyết dữ kinh quyền⁽¹⁾,
Hương hỏa như kim tín hữu duyên⁽²⁾.
Thế lợi ư nhân vô sở mộ,
Khách nhân độc ngã đắc nhi truyền.
Công dư đối khách hà bôi túy,
Triều hậu luân văn thảo mộng viên.
Hỗ tọa hữu thời khai Dịch giảng⁽³⁾,
Khước do học lực khiếm Y Xuyên⁽⁴⁾.*

- ¹ *Kinh, quyền*: do câu tục ngữ: "Xử thường chấp kinh, xử biến tòng quyền" nghĩa là gặp lúc bình thường, thì phải theo đúng lẽ luật, gặp lúc biến, thì cần quyền nghi cho hợp. Ý nói là xử lý linh hoạt, mềm dẻo.
- ² *Hương hỏa phục nhữ*: Trong gia phá họ, tác giả có nói đến việc kết phát ngôi mộ tổ. Nhiều bài thơ khuyên con, tác giả thường nhắc đến phúc đức tổ tiên. Ở đây, cũng có ý như thế.
- ³ *Hỗ tọa*: lấy ý từ tích Trương Tài, người thời Tống (Trung Quốc) thường ngồi trên đệm da hổ dạy học.
- ⁴ *Y Xuyên*: tức Trình Di, nhà lý học đời Tống, đặc biệt giỏi về Dịch học.

IV

Bản bệnh niên lai độc tự ta,
 Du du vô kế nại thiên hà?
 Bất vi vật lụy tâm do thiết,
 Khước bị sấu xâm mẩn dục hoa.
 Mạc triển bán trừ mưu quốc thiếu,
 Do hiềm tam đầu⁽¹⁾ vị thân đa.
 An tri bất ngộ Đường Ngu thánh⁽²⁾,
 Tiểu sái hà nhân thạch lạn ca⁽³⁾.

X

Tam sinh⁽⁴⁾ hữu hạnh ngã hà tu,
 Lương nhập Hàn lâm⁽⁵⁾ tế ngộ thù.
 Dạ dạ kim liên bàng chúc chiếu⁽⁶⁾,
 Thời thời thanh miếu nhiệm tri khu.

¹ Tam đầu (Ba đầu gạo): ý nói lương bổng ít ỏi của các quan chức.

² Đường Ngu thánh: chỉ vua Nghiêu. Thuận thời cổ đại Trung Quốc mà các nhà nho cho là hai ông vua mẫu mực ở một thời đại t
 bình lý tưởng.

³ Thạch lạn ca: Bài hát ta thán cho thực tại đen tối, mong được
 thời thịnh trị. Cả hai câu này: sự mong mỏi gặp được vua hiền,
 thịnh.

⁴ Tam sinh (Ba sinh: ba kiếp): qua khứ, hiện tại và tương lai. Đây chỉ
 đời nói chung.

⁵ Viện Hàn lâm, cơ quan chuyên giữ việc văn từ trong triều đình. Ở đây
 giả dung để chỉ việc hai lần vào làm ở Sứ quán.

⁶ Nén sen vàng: Lệnh Hồ Đào làm Hàn lâm học sĩ đời Đường
 Tông, một hôm trực đêm trong cung, được vua triệu đến
 chuyện. Tới lúc quá khuya khi Đào ra về, vua bèn sai mang
 sen vàng ra để tiễn Đào về. Nén sen vàng là loại nén dùng t
 cung vua chúa.

Tự tam tố thực không huyền đặc⁽¹⁾,
 Thùy vị năng văn chỉ họa hổ⁽²⁾.
 Hành khách vị tri chu tử quý,
 Tương phùng do thả vấn tiền hô.

Thơ nhàn^(*)

II

Phải đầu khéo léo với khôn ngoan,
 Thành đạt rày nhờ phúc tổ tiên.
 Mạc kẻ bon chen đường thế lợi,
 Riêng mình ao ước thú thanh nhàn,
 Tan châu bàn chuyện vui cây cỏ,
 Rảnh việc, nghiêng bầu chúc bạn văn.
 Kinh Dịch có phen bên chiếu giảng,
 Còn hiềm tài học kém Y Xuyên.

IV

Nghèo ốm lâu nay cứ quấy ta,
 Loay hoay khôn cách gỡ cho ra.
 Tâm không vật lụy đường vàng luyến,
 Tóc nhuộm u sấu sắp bạc phơ.

¹ Huyền đặc (đặc là thú non): lấy trong bài *Phạt đàn, Kinh Thi* có ý chê
 trách kẻ ngồi không ăn bám.

² Họa hổ (vẽ quạ bầu): do câu thơ của Đào Cốc thời Tống "Nực cười cho ông
 Hàn lâm học sĩ họ Đào; năm này qua năm khác cứ y như thế mà vẽ quạ
 bầu", ý nói cứ làm cái việc lặp đi lặp lại vô vi.

³ Chùm 10 bài *Nhân vịnh* có lẽ được làm khi tác giả bị đàn hặc, từ Bồ chính
 Quảng Ngãi phải về giữ chân Toàn tu Sứ quán, trong đó không giấu
 giọng điệu mỉa mai, buồn bực, chán chường. Ở đây chỉ trích một số bài.

*Chẳng chút mưu tài đem giúp nước,
Hiềm ba thưng gạo kiếm nuôi nhà.
Biết đâu không gặp đời binh trị,
Mà phải sầu đời cất tiếng ca.*

X

*Mây mẩn ba sinh, mặc rảnh rang,
Hàn làm hai bận, lộc đầu xoàng.
Ngày dài, tôn miếu tùy rong rười,
Đêm vắng, sen đèn sáng chói chang.
Đã hiềm lộc nước từng ăn uống,
Ai bảo vẫn hay chi vè quàng.
Có người chưa biết mùi sơn tía,
Còn hỏi sao không biển “đẹp đường”.*

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Nhân tặng nhục

*Phân gian nhân yếm túc,
Quy lai tặng dư nhục.
Tặng dư phi ứ dư,
Liên dư độc khoáng phúc.
Bồi hồi vi số từ,
Tri chi yếm diện khóc.
Thích thử loạn ly phùng,
Kiêm chi cùng ngã xúc.
Từ ý nhất hà ân,
Dư tâm nguyên bất dục.*

*Công tây y khinh cừ,
Dữu phủ thả thỉnh túc.
Phạm Lãi thừa khinh chu,
Ngưu dương thả đại súc.
Bành Trạch phương từ quy,
Thả tài tam kính cước.
Lạc Thiên phương trích cư,
Thả cấu tam gian ốc.
Thán dư bệnh nhi bản,
Phong trần thái lục lục.
Lão hĩ vô năng vi,
Hà dĩ phục bất cốc.
Bất thực linh nhân cơ,
Thực chi linh nhân nhục.
Bất thực linh nhân bì,
Thực chi linh nhân tặc.
Cảm tử phi Vương Tôn,
Tri ngã hữu Bảo Thúc.
Thủ chi hà thương liêm,
Vô dung thích tha tộc.*

*Hốt hốt đàm tương vong,
Thanh phong động cô trúc.*

Có người cho thịt

Đám kia ăn uống no nê,
Có người đem miếng thịt về tặng ta.
Tặng ta đâu sợ ta mà,
Thương ta cái bụng thường là rỗng không.
Ngậm ngùi khôn ngờ nổi lòng,
Tay cầm, mặt cúi, rờn rờn lệ rơi.
Gặp khi loạn lạc toi bời,
Lại thêm đói kém cho người khó khăn
Ôn người có ý ân cần,
Lòng ta đâu phải ngại ngần dịp may.
Từ Hoa¹ ngựa béo cừu dày.
Cũng còn xin thóc hũ đầy hũ voi.
Đào Chu² thuyền lái rong chơi,
Trâu dê cũng vẫn chăn nuôi đầy đàn,
Uyên Minh³ khi mới làm quan,
Cũng ba luống cúc trồng bên cạnh nhà.
Lạc Thiên⁴ bị trích phương xa,
Cũng còn giữ được ngôi nhà vải gian.
Thương ta đau ốm, nghèo nàn,
Phong trần lại quá uơn hèn hơn ai.
Tuổi già, mình chẳng có tài,
Lấy gì chống đỡ những ngày gieo neo?

¹ Học trò Khổng Tử.

² Tục Phạm Lãi thời Xuân Thu.

³ Tục Đào Tiềm.

⁴ Tên tự của Bạch Cư Dị (772-846) tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn, cư sĩ là nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng thời nhà Đường.

Không ăn, cái bụng đói meo,
Ăn vào, cái nhục mang theo bên người.
Không ăn, mình phải còm còi,
Ăn vào, mang tiếng con người bê tha.
Biết ta còn có Thúc Nha¹
Cảm người, đâu được như là Vương Tôn²?
Àu đành nhận lấy còn hơn,
Kèo đi cửa khác van lon cũng rầy.
Chuyện trò chóc lát cùng khuấy,
Gió thanh đâu bỗng rung cây trúc già.

ĐỖ NGỌC THOẠI dịch

Oa cổ

Văn đạo thôn thôn cảm cổ già,
Ngã tri oa cổ triệt tiêu quá.
Sắt chi lương cứu phục như thị,
Lệnh tại chư quân bất úy da.
Hoặc ái u cư đa đạm bạc,
Thả dung nhất bộ tác phồn hoa.
Vị tri cường hạng hà nhân giả,
Quá thử hoàn đương thức nộ oa.

¹ Người đời Xuân Thu.

² Hàn Tín, danh tướng đời nhà Hán đặc lực giúp Hán Cao tổ dựng nghiệp.

Trống ếch

Nghe nói nơi nơi cấm trống kèn,
Ao ta trống ếch suốt đêm rền,
Quát im, chóc lại hoàn như cũ,
Lệnh cấm bay sao chẳng sợ trên?
Hay thấy nơi này hiu quạnh quá,
Mà kìa nhạc nọ rộn ràng lên?
Dù ai cứng cổ đi qua đó,
Thấy ếch đùng đùng cũng phải kiêng.

DƯƠNG XUÂN ĐÀM dịch

Quá Lý Hoà^(*)

Ngoạn tước tân phong tuyết cửu đường,
Hải thành nhất vọng chính thương thương.
Đông tây thủy sắc liên thiên bích,
Nhật dạ đào thanh đảo ngạn trường.
Kha hạm quá thời như nhất diệp,
Vân yển tận xứ thị thù hương?
Hữu nhân vị tất bất như ngã,
Điểu diểu kiêm hà các nhất phương.

Lý Hoà: ở Quảng Bình có con sông Lý Hoà do hai nguồn từ núi Hoa Duyệt và núi Tam Linh, chảy qua phía bắc huyện Bố Trạch, hợp lại thành cửa phá lớn, qua cầu đường cái thiên lý rồi ra biển. Tác giả tả cảnh này khi qua đoạn đường thiên lý, một bên là phá lớn, một bên là biển.

Qua Lý Hoà

Núi non chững lại, dứt đám ao,
Vời vọi trông xanh ngắt một màu.
Trên dưới nước liền trời biếc biếc,
Đêm ngày bờ gọi sóng xô xao,
Nom như mảnh lá con thuyền đó,
Trông dứt làn mây xứ sở nào?
Có ai đậy cũng như ta vậy,
Cũng mỗi phương trời, mỗi bãi lau.

NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch

Quá Quảng Bình quan^(*)

Trường thành xúc xúc ý vân đoan,
Lâu liễu tầng tầng hám bích loan.
Sơn tự Đâu Mâu⁽¹⁾ bản nhị trạch,
Thủy quy Nhật Lệ⁽²⁾ tính quần than.
Bình lâm tứ vọng bạch sa khởi,
Yên khí phù vân thương hải hàn.
Đa thiếu lộ bàng danh lợi khách,
Hà nhân bất độ Quảng Bình quan?

^(*) Cửa ai Quảng Bình: cửa ai phía Đông của Lũy Thầy, nay thuộc thị xã Đông Hới, tỉnh Quảng Bình, xưa kia, đi từ Bắc vào Nam đều phải qua cửa ai này.

⁽¹⁾ Núi Đâu Mâu: ở phía tây huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình. Thế núi cao vút, sừng sừng trông như hình đầu máu (mù vô tướng) cho nên gọi thế

⁽²⁾ Sông Nhật Lệ: bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy ra cửa Nhật Lệ, qua thị xã Đông Hới, sát với Lũy Thầy.